

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THÀNH
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2018/HS-ST

Ngày: 07-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Trường

Ông Nguyễn Thế Phương

Những người tiến hành tố tụng tại phiên tòa:

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 68/2018/HSST ngày 12/4/2018 đối với bị cáo:

1/ Nguyễn Duy C; sinh năm 1984 tại Nghệ An; Thường trú: Tổ X, ấp Y, xã H, huyện T, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Cha: Nguyễn Duy Đ, mẹ: Lê Thị N; Bị cáo có vợ là Hoàng Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền sự, tiền án: không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08/01/2018 (Có mặt).

2/ Bị hại: Ông Cáp Trọng N, sinh năm 1986; ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Cáo trạng số 82/CT-VKS ngày 10/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành truy tố bị cáo về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Duy C và ông Cáp Trọng N có mối quan hệ quen biết với nhau. Vào năm 2015, ông Năm có mua một căn nhà tái định cư tại ấp P, xã M, huyện T nhưng gặp khó khăn trong việc làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do cần tiền mở quán cà phê ở thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của ông N bằng cách nói dối với ông N là C có quen biết với cán bộ Phòng Tài Nguyên môi trường huyện T để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Ông N đã tin tưởng và nhiều lần giao tiền cho C để

làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Tổng cộng C đã 04 lần nhận tiền của ông N với số tiền 110.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng cuối năm 2015 tại ấp P, xã M, huyện T, C nhận của ông N số tiền 30.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Cũng vào khoảng cuối năm 2015 tại ấp P, xã M, huyện T, C nhận của ông N số tiền 20.000.000 đồng.

Lần thứ ba và lần thứ tư: Cũng trong thời gian và địa điểm nêu trên, C nhận của ông N mỗi lần số tiền 30.000.000 đồng.

Tuy nhiên, C không sử dụng số tiền nêu trên để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông N mà sử dụng để mở quán cà phê và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 23/6/2017 ông N đến cơ quan Công an tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Duy C.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Duy C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về phần dân sự: Ông Nguyễn Duy Đ (là cha bị cáo C) đã bồi thường cho ông Cáp Trọng N số tiền 150.000.000 đồng, bao gồm: 110.000.000 đồng là số tiền bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của ông N và 40.000.000 đồng là số tiền bị cáo vay của ông N. Ông N đã nhận tiền, không có yêu cầu gì thêm và làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 82/CT-VKS ngày 10/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay, trên cơ sở việc xét hỏi và tranh luận giữa những người tham gia tố tụng công khai, dân chủ và không bị hạn chế:

Bị cáo Nguyễn Duy Cg khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh, bị cáo xin lỗi bị hại về hành vi lừa đảo của mình và đề đạt Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích hành vi phạm tội, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, nhân thân của các bị cáo. Từ đó đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội đúng như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm p, b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Duy C từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Thành, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Duy C đã hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thể hiện:

Trong khoảng thời gian cuối năm 2015, lợi dụng mối quan hệ quen biết và có ý định chiếm đoạt tiền của ông Cáp Trọng N, khi biết ông N có nhu cầu làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, sang tên sổ đỏ cho mình. Bị cáo Nguyễn Duy C đã dùng thủ đoạn gian dối nói với ông N là có quen biết với một số cán bộ huyện T để làm thủ tục chuyển nhượng đất cho ông N, sau đó chiếm đoạt của ông N tổng số tiền 110.000.000 đồng. Mặc dù bị cáo không có khả năng và cũng không thực hiện bất cứ hành vi nào để thực hiện công việc trên; người bị hại đã xác nhận số tiền chiếm đoạt như lời thừa nhận của bị cáo. Như vậy, lời khai của bị cáo là phù hợp với các tình tiết vụ việc và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, phù hợp với nội dung truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành.

Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Với mục đích muốn có tiền để mở quán cà phê, bị cáo đã có hành vi gian dối là hứa hẹn giúp đỡ ông N làm giấy tờ chuyển nhượng đất để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Do đó, cần phải thiết phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và để đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại, khắc phục hậu quả, bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn bãi nại đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy cần vận dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt.

[3] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét xử lý trong vụ án.

[4] Bị cáo phải nộp án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.
Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy C 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/01/2018.
2. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.
3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Duy C phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.
4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh BRVT;
- VKSND huyện Tân Thành;
- Công an huyện Tân Thành;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh BRVT;
- THADS huyện Tân Thành;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Lê Hoàng Anh